

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 9 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Ông Nguyễn Văn Mâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

- Bị đơn: Anh Đặng Văn (Minh) D, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2022 và các lời khai tại Tòa án, chị Lê Thị N (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn (Minh) D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc nên thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị xác định có 02 con chung tên Đặng Thị Huế Trân, sinh ngày 23/10/2003 và Đặng Tuấn Kiệt, sinh ngày 14/10/2005. Hiện tại cháu Kiệt đang sống

với chị. Sau khi ly hôn chị thống nhất theo nguyện vọng của cháu Kiệt, đồng ý giao cháu Kiệt cho anh D nuôi và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trân đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Đặng Văn (Minh) D, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị N nhưng anh D không có ý kiến. Tòa án thông báo đề anh D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh D vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Đặng Văn (Minh) D tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh D vắng mặt không lý do; nguyên đơn chị Lê Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D, chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa chị Lê Thị N với anh Đặng Văn (Minh) D là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đặng Văn (Minh) D có địa chỉ cư trú tại ấp Tân Tạo, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Về hôn nhân: Chị N và anh D chung sống với nhau vào năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Đông xác nhận ngày 01/6/2022. Do đó, hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý. Qua mâu thuẫn giữa chị N và anh D như chị N trình bày, mặc dù chị N yêu cầu xin ly hôn với anh D nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị N và anh D là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị N xác định có 02 con chung tên Đặng Thị Huế Trân, sinh ngày 23/10/2003 và Đặng Tuấn Kiệt, sinh ngày 14/10/2005. Hiện tại cháu Kiệt đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị N thống nhất theo nguyện vọng của cháu Kiệt, đồng ý giao cháu Kiệt cho anh D nuôi và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đặng Thị Huế Trân đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng. Xét thấy, theo đơn đề ngày 03/9/2022 khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng cháu Đặng Tuấn Kiệt muốn sống với anh D và chị N cũng thống nhất theo nguyện vọng của con, đồng ý giao cháu Kiệt cho anh D nuôi dưỡng nên yêu cầu

của chị N giao cháu Kiệt cho anh D nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu Đăng Tuấn Kiệt cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Đăng Thị Huế Trân đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, chị N không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Lê Thị N và anh Đặng Văn (Minh) D là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Giao cho anh Đặng Văn (Minh) D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Đăng Tuấn Kiệt, sinh ngày 14/10/2005 và chị Lê Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008172 ngày 01/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị N và anh Đặng Văn (Minh) D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền